

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 178/2004/NĐ-CP ngày 15/10/2004 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm ngày 17 tháng 3 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XI thông qua ngày 17 tháng 3 năm 2003 (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh).

Điều 2. Đối tượng áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Pháp lệnh

Tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Pháp lệnh bao gồm: cơ quan, tổ chức có trụ sở hoặc văn phòng đóng trên lãnh thổ Việt Nam; người nước ngoài, người không có quốc tịch thường trú hoặc tạm trú trên lãnh thổ Việt Nam.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống mại dâm và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nội dung chi tiết một số từ ngữ

1. “Cho thuê, cho mượn địa điểm, phương tiện để hoạt động mại dâm” quy định tại khoản 4 Điều 3 của Pháp lệnh là hành vi của tổ chức, cá nhân có quyền quản lý, chiếm hữu, sử dụng hoặc định đoạt tài sản mà cho thuê, cho mượn để hoạt động mại dâm.

2. “Các hành vi khác liên quan đến hoạt động mại dâm” quy định tại khoản 9 Điều 4 của Pháp lệnh là những hành vi tiếp tay, che giấu, dung túng để tạo điều kiện, khuyến khích các hoạt động mại dâm.

3. “Cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi

dụng để hoạt động mại dâm” quy định tại khoản 1, 2 Điều 15 của Pháp lệnh là những cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú, dịch vụ văn hóa hoặc các dịch vụ khác có sử dụng lao động là vũ nữ, tiếp viên, nhân viên phục vụ (sau đây gọi chung là người lao động) nhằm đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng, ăn uống, giải trí, thư giãn, chăm sóc sức khỏe, như: khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà hàng, nhà trọ, biệt thự kinh doanh du lịch, căn hộ kinh doanh du lịch, căn hộ cho thuê, vũ trường, karaoke, xoa bóp, tắm hơi, tắm nóng lạnh, cắt tóc - gội đầu máy lạnh, cà phê đèn mờ...

4. “Đồi trụy” quy định tại Điều 16 và khoản 1 Điều 26 của Pháp lệnh là sự thể hiện bằng hành động, bằng hình ảnh, bằng âm thanh lối sống ăn chơi, tiêu khiển thấp hèn, xấu xa, hư hỏng đến mức tối tệ về đạo đức, trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc.

5. “Khiêu dâm” quy định tại Điều 16 và khoản 1 Điều 26 của Pháp lệnh là hành vi dùng cử chỉ, hành động, hình ảnh, âm thanh gây kích thích ham muốn tình dục.

Chương II

NHỮNG BIỆN PHÁP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM

Điều 4. Tuyên truyền, giáo dục phòng, chống mại dâm kết hợp với phòng, chống

ma túy và phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh

Những nội dung tuyên truyền, giáo dục phòng, chống mại dâm với phòng, chống ma túy và phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS bao gồm:

1. Tác hại nhiều mặt của tệ nạn mại dâm, tệ nạn ma túy;

2. Nguy cơ cao của bệnh dịch HIV/AIDS đối với người mại dâm, người nghiện ma túy;

3. Pháp luật về phòng, chống mại dâm, ma túy và phòng, chống HIV/AIDS;

4. Các biện pháp phòng, chống mại dâm, ma túy và phòng, chống HIV/AIDS;

5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân trong phòng, chống mại dâm, ma túy và phòng, chống HIV/AIDS.

Điều 5. Tuyên truyền, giáo dục phòng, chống mại dâm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân quy định trong Điều 11 của Pháp lệnh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thông tin tuyên truyền tổ chức tuyên truyền, giáo dục về truyền thống văn hóa dân tộc, đạo đức xã hội, lối sống lành mạnh, tác hại của tệ nạn mại dâm, các chủ trương, chính sách, biện pháp và pháp luật về phòng, chống mại dâm, các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 6. Tuyên truyền, giáo dục phòng, chống mại dâm trong trường học quy định tại khoản 1 Điều 12 của Pháp lệnh

Nội dung tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mại dâm đối với học sinh, sinh viên, học viên trong các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề bao gồm:

1. Tác hại nhiều mặt của tệ nạn mại dâm đối với xã hội, đối với danh dự, nhân phẩm, sức khỏe con người; ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới, đến chiến lược phát triển con người ở Việt Nam;

2. Các biện pháp phòng, chống tệ nạn mại dâm;

3. Chính sách và pháp luật phòng, chống mại dâm;

4. Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về mại dâm;

5. Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tệ nạn mại dâm.

Căn cứ vào nội dung trên đây các trường xây dựng nội dung tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mại dâm cụ thể cho phù hợp với loại hình trường học của mình.

Điều 7. Nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình và chính quyền địa phương quy định tại khoản 2 Điều 12 của Pháp lệnh

Nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình và chính quyền địa phương bao gồm:

1. Thường xuyên liên lạc, trao đổi với gia đình của học sinh, sinh viên, học viên và Ủy ban nhân dân địa phương nơi nhà trường đóng trên địa bàn đó về công tác phòng, chống mại dâm;

2. Tổ chức các cuộc tọa đàm trao đổi giữa các bên về công tác phòng, chống mại dâm, về biện pháp và các hoạt động giáo dục phòng ngừa phù hợp với lứa tuổi, giới tính, tôn giáo của học sinh, sinh viên, học viên;

3. Tổ chức các hoạt động xã hội trên địa bàn với sự tham gia của học sinh, sinh viên, học viên.

Điều 8. Trách nhiệm của cá nhân trong phòng, chống mại dâm quy định tại khoản 1 Điều 8 của Pháp lệnh

Mọi cá nhân có trách nhiệm:

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về phòng, chống mại dâm;

2. Tham gia tích cực các hoạt động phòng, chống mại dâm;

3. Giáo dục, quản lý, ngăn ngừa để thành viên trong gia đình mình không tham gia tệ nạn mại dâm;

4. Phát hiện, cung cấp kịp thời các thông tin về tệ nạn mại dâm cho cơ quan Công an hoặc cơ quan khác có thẩm quyền.

Điều 9. Trách nhiệm của gia đình trong phòng, chống mại dâm quy định tại Điều 13 của Pháp lệnh

1. Mỗi gia đình đều phải có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, giáo dục các thành viên trong gia đình mình về phòng, chống mại dâm;

b) Xây dựng gia đình hòa thuận, sống chung thủy lành mạnh;

c) Tham gia tích cực các hoạt động phòng, chống mại dâm;

d) Phối hợp chặt chẽ và giúp đỡ Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức hữu quan tiến hành quản lý, giáo dục người có hành vi mua dâm, bán dâm ở tại địa phương.

2. Ngoài trách nhiệm được quy định tại khoản 1 của Điều này, gia đình có người bán dâm còn có trách nhiệm:

a) Quản lý, giúp đỡ, chăm sóc người bán dâm được giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo sự hướng dẫn, giám sát của tổ chức, cá nhân được phân công giúp đỡ và của chính quyền cơ sở;

b) Quản lý, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn người bán dâm tái phạm hoặc có hành vi gây mất trật tự an toàn xã hội;

c) Động viên, giúp người bán dâm xóa bỏ mặc cảm, tạo điều kiện để họ hòa nhập cộng đồng.

Điều 10. Nội dung cụ thể của biện pháp kinh tế - xã hội trong việc phòng, chống mại dâm quy định tại Điều 14 của Pháp lệnh

Nội dung cụ thể của biện pháp kinh tế - xã hội trong việc phòng, chống mại dâm bao gồm:

1. Giải quyết việc làm, tổ chức dạy nghề, hướng nghiệp, xóa đói, giảm nghèo cho những gia đình nghèo, những người không có việc làm. Tạo điều kiện trợ giúp những phụ nữ nghèo được vay vốn, tổ chức tư vấn và hướng dẫn họ tiếp cận với các dịch vụ sản xuất, kinh doanh, sử dụng vốn làm kinh tế để tăng thu nhập theo các chương trình, dự án nhằm ngăn chặn tệ nạn mại dâm phát sinh, phát triển;

2. Tổ chức chữa bệnh, giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm cho người bán dâm hoàn lương; trợ cấp khó khăn hoặc tạo điều kiện cho họ vay vốn, tư vấn, hướng dẫn phương pháp sản xuất, kinh doanh để họ có thu nhập ổn định;

3. Thực hiện chính sách ưu đãi về tài chính, về thuế đối với các cơ sở chữa bệnh, dạy nghề, tạo việc làm cho người bán dâm hoặc các cơ sở kinh doanh có người bán dâm hoàn lương làm việc. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định này;

4. Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ sở

kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm quy định tại Điều 15 của Pháp lệnh

Các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm có trách nhiệm:

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn, điều kiện cấp phép, điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật;

2. Đăng ký kinh doanh và có giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật; không được sử dụng người lao động dưới 18 tuổi làm những công việc tiếp xúc trực tiếp với khách hàng có ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể lực, trí lực và nhân cách của họ; ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người lao động và quản lý hoạt động của các nhân viên này theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động. Chủ cơ sở, người quản lý, điều hành phải kiểm tra bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn của người lao động trước khi thực hiện hợp đồng lao động và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc người lao động không có chứng chỉ hành nghề;

3. Ký cam kết với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cơ sở hoạt động kinh doanh về việc không để tệ nạn mại dâm xảy ra ở cơ sở mình; thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện kinh doanh và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về phòng, chống mại dâm;

4. Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn người lao động, thực hiện đăng ký tạm trú cho những người thuộc diện phải đăng ký

tạm trú với cơ quan Công an có thẩm quyền; xuất trình Giấy chứng minh nhân dân, hợp đồng lao động, giấy chứng nhận của chính quyền địa phương nơi người đó thường trú xác nhận là người của địa phương hoặc giấy báo tạm vắng để đi làm ăn sinh sống và bản cam kết không tham gia tệ nạn mại dâm, khi được cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu;

5. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng quý cho người lao động và theo dõi, giám sát việc điều trị bệnh;

6. Người lao động làm việc trong các cơ sở kinh doanh, dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm phải có bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc được giao theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về quản lý hộ khẩu, khám sức khỏe theo định kỳ và cam kết không vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm.

Điều 12. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra quy định tại Điều 18 của Pháp lệnh

Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra quy định tại Điều 18 của Pháp lệnh là các cơ quan thanh tra của các ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thông tin, Y tế, Thương mại, Du lịch hoặc các cơ quan chuyên trách về phòng, chống mại dâm của các ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an. Tùy theo tình hình thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thể thành lập các đội kiểm tra

liên ngành giữa các cơ quan trên để tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về phòng, chống tệ nạn mại dâm.

Điều 13. Chế độ, chính sách đền bù, trợ cấp đối với người tham gia phòng, chống mại dâm bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe và tính mạng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Pháp lệnh

1. Người phát hiện, tố giác, đấu tranh phòng, chống mại dâm nếu bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù giá trị tài sản bị thiệt hại.

2. Người phát hiện, tố giác, đấu tranh phòng, chống mại dâm nếu bị thương, bị suy giảm khả năng lao động thì được trợ cấp chi phí y tế, trợ cấp mất khả năng lao động theo mức độ suy giảm sức lao động nhưng tối đa không vượt quá 20.000.000 đồng.

3. Người phát hiện, tố giác, đấu tranh phòng, chống mại dâm nếu bị chết thì gia đình hoặc người đại diện hợp pháp được nhận trợ cấp một lần bằng tiền, mức trợ cấp bao gồm các chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 50.000.000 đồng.

Kinh phí để đền bù và trợ cấp cho người bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe và tính mạng do ngân sách địa phương đảm bảo. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện các quy định trên.

4. Cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống mại dâm nếu bị thương thì được hưởng chính sách, chế độ tương tự như đối với thương

binh; nếu hy sinh thì được xem xét để công nhận là liệt sỹ theo quy định của pháp luật.

Chương III

XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM

Điều 14. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính trong phòng, chống mại dâm được quy định trong Pháp lệnh

1. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính. Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Việc xử lý vi phạm tùy thuộc thẩm quyền của các ngành mà pháp luật quy định. Trường hợp các hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử lý tại nơi xảy ra hành vi vi phạm.

3. Việc xử lý vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống mại dâm do người có thẩm quyền được quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này tiến hành.

Cá nhân, tổ chức bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống mại dâm khi thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại Chương III của Nghị định này.

4. Một hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống mại dâm chỉ bị xử phạt một lần. Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

5. Việc xử lý vi phạm hành chính về phòng, chống mại dâm phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để quyết định hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung và áp dụng các biện pháp xử lý thích hợp.

6. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống mại dâm phải xử phạt đúng thẩm quyền, đối với những vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý hoặc những vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì phải tiến hành lập biên bản và chuyển giao biên bản cùng các tài liệu có liên quan, tang vật, phương tiện vi phạm (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính hoặc cơ quan tố tụng hình sự có thẩm quyền.

Điều 15. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các cấp trong xử lý vi phạm hành chính về phòng, chống mại dâm

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 28 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống mại dâm được quy định tại Nghị định này thuộc địa bàn quản lý ở địa phương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 29 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

e) Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với đối tượng vi phạm pháp luật phòng, chống mại dâm được quy định tại Nghị định này thuộc địa bàn quản lý ở địa phương.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 30 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống mại dâm được quy định tại Nghị định này thuộc địa bàn quản lý ở địa phương.

Điều 16. Thẩm quyền của Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng và các cơ quan thanh tra chuyên ngành trong xử lý vi phạm hành chính về phòng, chống mại dâm

1. Lực lượng Công an nhân dân có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 31 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống mại dâm được quy định tại Nghị định này.

2. Lực lượng Bộ đội Biên phòng có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 32 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống mại dâm được quy định tại Nghị định này.

3. Lực lượng thanh tra chuyên ngành của các ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa - Thông tin, Thương mại, Du lịch, Y tế có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống mại dâm được quy định tại Nghị định này.

Điều 17. Xử lý vi phạm hành chính đối

với người có hành vi mua dâm quy định tại Điều 22 của Pháp lệnh

1. Người nào có hành vi mua dâm thì bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp mua dâm nhiều người cùng một lúc.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Mua dâm có tính chất đòi trụy;

b) Lôi kéo, ép buộc người khác cùng mua dâm.

Điều 18. Xử lý vi phạm hành chính đối với người có hành vi bán dâm quy định tại Điều 23 của Pháp lệnh

1. Người nào có hành vi bán dâm thì bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng trong trường hợp bán dâm cho nhiều người cùng một lúc.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng trong trường hợp bán dâm có tính chất đòi trụy.

4. Người bán dâm có tính chất thường xuyên từ đủ 14 tuổi trở lên, có nơi cư trú nhất định thì bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; người bán dâm có tính chất thường xuyên từ đủ 16 tuổi trở lên, đã bị áp dụng biện pháp giáo

dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định thì bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh.

Thủ tục áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở chữa bệnh thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Người bán dâm là người nước ngoài thì tùy từng trường hợp mà bị xử phạt hành chính theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này và bị trục xuất.

Điều 19. Xử lý đối với người có hành vi vi phạm hành chính liên quan đến mại dâm quy định tại khoản 1 Điều 24 của Pháp lệnh

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng thuộc một trong các trường hợp sau mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Lợi dụng uy tín để bảo vệ, duy trì hoạt động mại dâm;

b) Đe dọa dùng vũ lực để bảo vệ, duy trì hoạt động mại dâm;

c) Môi giới mại dâm nhưng không thường xuyên;

d) Góp vốn để sử dụng vào mục đích hoạt động mại dâm.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng thuộc một trong các trường hợp sau mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bảo vệ, duy trì hoạt động mại dâm;

b) Dùng vũ lực để bảo vệ, duy trì hoạt động mại dâm.

3. Người có hành vi góp vốn để sử dụng vào mục đích hoạt động mại dâm thì ngoài việc bị xử phạt như quy định tại khoản 1 của Điều này còn bị tịch thu số vốn đã góp để sử dụng vào mục đích hoạt động mại dâm.

Điều 20. Xử lý vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân lợi dụng kinh doanh, dịch vụ để hoạt động mại dâm quy định tại khoản 2 Điều 25 của Pháp lệnh

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng thuộc một trong các trường hợp sau đây mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Sử dụng việc mua dâm, bán dâm và các hoạt động tình dục khác làm phương thức kinh doanh;

b) Dùng các thủ đoạn khống chế, đe dọa người mua dâm, bán dâm để cưỡng đoạt tài sản.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người đứng đầu cơ sở kinh doanh dịch vụ do thiếu tinh thần trách nhiệm để hoạt động mại dâm xảy ra ở cơ sở do mình quản lý mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các khoản 1 và 2 của Điều này còn bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Điều 21. Xử lý đối với tổ chức, cá nhân phổ biến, lưu hành các sản phẩm văn hóa có nội dung và hình thức khiêu dâm quy định tại khoản 1 Điều 26 của Pháp lệnh

Cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, dịch vụ văn hóa, bưu chính, viễn thông mà có hành vi phổ biến, tàng trữ, lưu hành các hình ảnh, vật phẩm, sản phẩm, thông tin có nội dung và hình thức đồi trụy, khiêu dâm, kích động tình dục thì bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - thông tin. Ngoài việc bị phạt tiền, tùy theo tính chất, mức độ cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Điều 22. Xử lý đối với cán bộ, công chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm quy định tại khoản 1 Điều 27 của Pháp lệnh

1. Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước hoặc người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có hành vi vi phạm quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25 và 26 của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm thì ngoài việc bị phạt tiền như quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20 và 21 của Nghị định này còn bị thông báo cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người đó để xử lý kỷ luật.

2. Các cơ quan chức năng khi phát hiện

người có hành vi vi phạm quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25 và 26 của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước hoặc người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân thì phải thông báo ngay cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người đó; trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có hành vi vi phạm thì phải thông báo cho người đứng đầu cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để xem xét và quyết định hình thức kỷ luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị của người có hành vi vi phạm phải thực hiện việc xử lý kỷ luật đối với người vi phạm và tổ chức quản lý, giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn người đó tái phạm.

Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức viên chức nhà nước có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm.

Người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có hành vi vi phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệnh kỷ luật của lực lượng vũ trang.

Điều 23. Xử lý đối với người có hành vi vi phạm pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống mại dâm quy định tại Điều 28 của Pháp lệnh

1. Người có nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh phòng, chống mại dâm mà có hành

vi bao che mại dâm, dung túng, bao che hoặc không xử lý kịp thời để cho hoạt động mại dâm xảy ra trên địa bàn quản lý mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì tùy tính chất, mức độ vi phạm phải bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. Người bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, hạ ngạch hoặc cách chức phải bị chuyển làm công tác khác.

2. Người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệnh kỷ luật của lực lượng vũ trang.

Điều 24. Xử lý đối với người có hành vi bao che hoặc không kịp thời xử lý kỷ luật người vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm quy định tại Điều 29 của Pháp lệnh

1. Người có chức vụ, quyền hạn có hành vi bao che hoặc không kịp thời xử lý kỷ luật người thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình có hành vi mại dâm, liên quan đến hoạt động mại dâm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì tùy tính chất, mức độ vi phạm phải bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

2. Người thuộc lực lượng vũ trang có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 của Điều này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệnh kỷ luật của lực lượng vũ trang.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tại Điều 31 và Điều 32 của Pháp lệnh

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về công tác phòng, chống mại dâm.

2. Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan cấp trên ban hành các văn bản pháp luật, chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch về phòng, chống mại dâm và hướng dẫn tổ chức thực hiện.

3. Thường trực về công tác phòng, chống mại dâm của Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm.

4. Thống nhất quản lý các cơ sở chữa bệnh, dạy nghề, tạo việc làm cho người bán dâm.

5. Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm; chỉ đạo hệ thống tổ chức phòng, chống tệ nạn xã hội các cấp trong công tác phòng, chống mại dâm thuộc ngành quản lý.

6. Thực hiện thống kê nhà nước về phòng, chống mại dâm.

7. Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các

Bộ, ngành liên quan quy định cụ thể danh mục chỗ làm việc, công việc không được sử dụng lao động dưới 18 tuổi.

8. Hợp tác quốc tế về phòng, chống mại dâm và buôn bán phụ nữ, trẻ em để phục vụ hoạt động mại dâm, theo sự phân cấp của Chính phủ.

9. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo về phòng, chống mại dâm.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Công an quy định tại Điều 31 và Điều 33 của Pháp lệnh

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc tổ chức đấu tranh chống tội phạm về mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em để phục vụ hoạt động mại dâm; tổ chức tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em để phục vụ hoạt động mại dâm.

2. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, chiến sĩ chuyên trách trong ngành làm công tác đấu tranh phòng, chống mại dâm.

3. Thực hiện thống kê nhà nước về tội phạm mại dâm; tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em để phục vụ hoạt động mại dâm; quản lý thông tin về tội phạm mại dâm.

4. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm đăng ký tạm trú, tạm vắng và cam kết thực hiện các quy định

về đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội.

5. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo việc quản lý giáo dục những người có hành vi mại dâm, liên quan đến mại dâm tại cộng đồng; lập hồ sơ đề nghị đưa đối tượng vào cơ sở chữa bệnh; chỉ đạo lực lượng công an hỗ trợ giữ gìn an ninh, trật tự tại các cơ sở chữa bệnh theo đề nghị của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan trong việc kiểm tra, thanh tra và xử lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Y tế quy định tại khoản 1 Điều 34 của Pháp lệnh

1. Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan cấp trên ban hành các văn bản pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán, sử dụng các loại dược phẩm và dụng cụ có tác dụng kích thích tình dục.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện kinh doanh của các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm thuộc ngành quản lý.

3. Chỉ đạo lực lượng y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng quý cho người lao động tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ

bị lợi dụng để hoạt động mại dâm; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kinh phí để tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng quý cho người lao động tại các cơ sở này.

4. Hướng dẫn, chỉ đạo việc chữa trị cho người bán dâm trong các cơ sở chữa bệnh theo quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cụ thể danh mục chỗ làm việc, công việc không được sử dụng lao động dưới 18 tuổi.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ để bị lợi dụng để hoạt động mại dâm thuộc ngành quản lý.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa - Thông tin quy định tại khoản 1 Điều 34 của Pháp lệnh

1. Chỉ đạo và huy động hệ thống thông tin đại chúng thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục về phòng, chống mại dâm.

2. Tuyên truyền pháp luật về phòng, chống mại dâm; hướng dẫn, kết hợp vận động nhân dân xây dựng đời sống văn hóa với phòng, chống mại dâm, ma túy và phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, động viên các tầng lớp nhân dân tố giác, đấu tranh ngăn chặn và xóa bỏ tệ nạn này.

3. Tổ chức thực hiện công tác phòng, chống mại dâm trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, lưu hành trên thị trường các văn hóa phẩm đồi trụy; quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện kinh doanh của các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa để bị lợi dụng để hoạt động mại dâm; xây dựng cơ chế quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra những cơ sở này; nội dung thông tin - giáo dục - truyền thông về phòng, chống mại dâm và phương pháp kết hợp lồng ghép tuyên truyền, giáo dục phòng, chống mại dâm với phòng, chống ma túy và phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Pháp lệnh

1. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc giáo dục phòng, chống mại dâm trong hệ thống nhà trường phù hợp với trình độ học sinh, sinh viên từng cấp học, phù hợp với loại hình nhà trường và phong tục, tập quán của từng dân tộc.

2. Giáo dục lối sống văn hóa lành mạnh cho học sinh, sinh viên, học viên.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc xây dựng nội dung, phương pháp giáo dục phòng, chống mại dâm trong nhà trường.

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Thương mại, Tổng cục Du lịch quy định tại khoản 1 Điều 34 của Pháp lệnh

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện kinh

doanh và đăng ký kinh doanh đối với các loại hình kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm thuộc ngành quản lý.

2. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm thuộc ngành quản lý.

Điều 31. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 31 của Pháp lệnh

1. Tổ chức thực hiện công tác phòng, chống mại dâm theo sự phân công và chỉ đạo của Chính phủ.

2. Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội khác trong công tác phòng, chống mại dâm.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp quy định tại Điều 35 của Pháp lệnh

1. Thực hiện quản lý nhà nước về công tác phòng, chống mại dâm ở địa phương; tiến hành rà soát, quy hoạch sắp xếp các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm; thực hiện việc cấp đăng ký kinh doanh theo đúng các tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể.

2. Tổ chức triển khai thực hiện và tuyên

truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống mại dâm cho nhân dân địa phương.

3. Chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch ngăn ngừa và phòng, chống mại dâm trong phạm vi địa phương trên cơ sở xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án dạy nghề, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa.

4. Bố trí cán bộ và ngân sách cho công tác phòng, chống mại dâm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; vận động sự đóng góp của cộng đồng cho hoạt động phòng, chống mại dâm.

5. Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống mại dâm với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp; hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Chính phủ về công tác phòng, chống mại dâm trên địa bàn.

6. Xây dựng và quản lý các cơ sở chữa bệnh để giáo dục, chữa trị, lao động và dạy nghề cho người bán dâm.

7. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm theo thẩm quyền.

Điều 33. Thanh tra về phòng, chống mại dâm quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh

Trường hợp thanh tra về hoạt động phòng, chống mại dâm trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ mà liên quan đến nhiều ngành thì Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các cấp thành lập thanh tra liên ngành của cấp mình để thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm ở địa phương. Ở cấp tỉnh và cấp huyện, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội làm đầu mối phối hợp với các cơ quan liên quan để tiến hành các hoạt động thanh tra liên ngành. Ở cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp chỉ đạo, tiến hành các hoạt động kiểm tra, thanh tra về công tác phòng, chống mại dâm tại địa phương.

Điều 34. Trách nhiệm thanh tra về phòng, chống mại dâm quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh

Thanh tra liên ngành về phòng, chống mại dâm có trách nhiệm:

1. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về phòng, chống mại dâm;
2. Thanh tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch, biện pháp, nhiệm vụ về phòng, chống mại dâm; việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về sử dụng kinh phí, xây dựng và quản lý hoạt động của các cơ sở chữa bệnh;
3. Xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động phòng, chống mại dâm;
4. Xử lý vi phạm hoặc kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm;
5. Kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về phòng, chống mại dâm;

đề nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách và quy định của Nhà nước về phòng, chống mại dâm.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 36. Hướng dẫn thi hành

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Thương mại, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn chi tiết, kiểm tra và báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện Nghị định này.

Điều 37. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải